

Số: /2025/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Về việc hỗ trợ kinh phí hoạt động Hội thẩm nhân dân, Đoàn Hội thẩm nhân dân, bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử cho Hội thẩm Tòa án nhân dân và xét xử lưu động trên địa bàn tỉnh Nghệ An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Luật Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số/2025/UBTVQH15 ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm;

Xét Tờ trình số; Báo cáo thẩm tra số của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định về hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Hội thẩm nhân dân, Đoàn Hội thẩm nhân dân, bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử cho Hội thẩm Tòa án nhân dân và xét xử lưu động trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh và Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp khu vực;

b) Đoàn Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh và các Đoàn Hội thẩm Tòa án nhân dân khu vực;

c) Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân cấp khu vực.

Điều 2. Nội dung hỗ trợ:

1. Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Hội thẩm Tòa án nhân dân

Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh và Hội thẩm Tòa án nhân dân khu vực được hỗ trợ kinh phí hoạt động 25% mức lương cơ sở/người/tháng.

Mức hỗ trợ này không áp dụng với Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân khu vực.

2. Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các đoàn Hội thẩm.

+ 12 đoàn Hội thẩm TAND khu vực : 30.000.000 đồng/năm/01 đoàn;

+ Đoàn Hội thẩm TAND tỉnh : 50.000.000 đồng/năm.

3. Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử cho Hội thẩm nhân dân và xét xử lưu động.

Hàng năm, Tòa án nhân dân tỉnh căn cứ vào nhu cầu bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử cho Hội thẩm Tòa án nhân dân và số lượng, tính chất các vụ án cần xét xử lưu động, lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 3. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Kinh phí hỗ trợ hoạt động cho Hội thẩm nhân dân, Đoàn Hội thẩm nhân dân, bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử cho Hội thẩm Tòa án nhân dân và xét xử lưu động trên địa bàn tỉnh Nghệ An được trích từ nguồn ngân sách tỉnh, tối đa không quá 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng triệu đồng) và cấp qua Tòa án nhân dân tỉnh để tổ chức thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVIII, kỳ họp thứthông qua ngày / /2025 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Bãi bỏ Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 20/07/2018 về hỗ trợ kinh phí hoạt động, bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử cho Hội thẩm Tòa án nhân dân và xét xử lưu động trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh (để g/sát);
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- / - Trung tâm Công báo tỉnh;
- - Lưu VP HĐND tỉnh;

CHỦ TỊCH

Số: /TA-TTr

Nghệ An, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, sửa đổi Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 20/07/2018 về hỗ trợ kinh phí hoạt động, bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử cho Hội thẩm Tòa án nhân dân và xét xử lưu động trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An xin trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép xây dựng Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 20/07/2018 về hỗ trợ kinh phí hoạt động, bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử cho Hội thẩm Tòa án nhân dân và xét xử lưu động trên địa bàn tỉnh Nghệ An ” như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Trong những năm qua tình hình tội phạm, tranh chấp kinh doanh thương mại, dân sự, hành chính, lao động trên địa bàn diễn biến phức tạp: tăng về số lượng, phức tạp về tính chất. Tính từ năm 2020 đến nay, Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Nghệ An trung bình mỗi năm phải thụ lý giải quyết gần 13.000 vụ án các loại.

Qua công tác xét xử thấy rằng việc tuyên truyền giáo dục pháp luật thông qua phiên tòa, đặc biệt là phiên tòa lưu động có tác dụng rất lớn, thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân quan tâm, theo dõi. Không chỉ giới hạn ở đội ngũ cán bộ mà đến mọi tầng lớp nhân dân, các lứa tuổi. Bên cạnh việc giáo dục pháp luật, răn đe đối với các hành vi phạm tội, qua xét xử lưu động còn tuyên truyền cho quần chúng nhân dân nhận thức được chính sách, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, ngăn chặn các hoạt động xuyên tạc, tuyên truyền, lôi kéo người dân tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật; nâng cao

cảnh giác trước các thủ đoạn thực hiện phạm tội ngày càng tinh vi của kẻ phạm tội.

Về công tác Hội thẩm nhân dân: Hội thẩm nhân dân được HĐND bầu ra theo sự giới thiệu của UBMT Tổ quốc - Hoạt động ở nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, hàng năm phải được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật thì mới hoàn thành nhiệm vụ. Bên cạnh đó Hội thẩm nhân dân là thành phần quan trọng trong Hội đồng xét xử, được quy định trong hiến pháp, Hội thẩm nhân dân chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ của mình khi tham gia xét xử. Tuy nhiên hiện nay chế độ, chính sách đối với Hội thẩm nhân dân còn nhiều hạn chế, bất cập.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 08, đã góp phần hỗ trợ tốt cho công tác nâng cao nghiệp vụ cho Hội thẩm nhân dân, hỗ trợ chế độ, chính sách cho Hội thẩm nhân dân, động viên Hội thẩm nhân dân tham gia công tác xét xử.

Hiện nay với mức hỗ trợ hoạt động cho Hội thẩm nhân dân là 20% mức lương cơ sở/người/tháng, tương đương 298.000 đồng/người/tháng. Mức phụ cấp như vậy là tương đối thấp trong điều kiện chi phí đi lại tham gia phiên tòa tăng, với điều kiện hỗ trợ như trên, không khuyến khích được các Hội thẩm tích cực tham gia, cũng như không tương xứng với hàm lượng lao động và trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân.

Mặt khác, theo chủ trương của Nhà nước, từ ngày 01/7/2024, mức lương tối thiểu chung là 2.340.000 đồng (tăng 850.000 đồng so với thời điểm ban hành Nghị quyết số 08). Tòa án nhân dân tỉnh đã nhận được nhiều ý kiến của các đoàn Hội thẩm đề nghị tỉnh quan tâm nâng mức hỗ trợ cho các Hội thẩm lên mức 25%/tháng/người.

Với mức lương tối thiểu chung như trên (2.340.000 đồng), nếu hỗ trợ mỗi Hội thẩm theo mức như hiện tại (20% mức lương tối thiểu chung, tương đương 468.000 đồng/tháng) thì tổng chi phí cho khoản hỗ trợ này tương đương 2.263.248.000 đồng/năm cho 403 Hội thẩm. Nếu hỗ trợ mỗi Hội thẩm theo mức 25% mức lương tối thiểu chung, tương đương 585.000 đồng/tháng) thì tổng chi phí cho khoản hỗ trợ này tương đương 2.829.060.000 đồng/năm cho 403 Hội thẩm.

Ngoài ra, các đoàn Hội thẩm có Trưởng, Phó đoàn, do Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, đoàn hội thẩm thực hiện các hoạt động theo dõi,

quản lý, báo cáo công tác Hội thẩm, thực hiện sơ kết, tổng kết định kỳ hàng năm. Tuy nhiên, không có kinh phí để triển khai hoạt động.

Hiện nay, tổ chức bộ máy Tòa án có thay đổi, không còn tổ chức TAND cấp huyện mà thành các TAND khu vực, nhiều quy định pháp luật mới cần phổ biến quán triệt; phạm vi địa bàn thay đổi, nhiều Hội thẩm phải đi lại xa hơn so với trước đây.

Trong thời gian tới, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước: “về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới” đã đề ra chủ trương “*Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân*” trong đó, - Xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; bảo đảm tố tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Căn cứ Tờ trình của Tòa án nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND về hỗ trợ kinh phí hoạt động, bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử cho Hội thẩm Tòa án nhân dân và xét xử lưu động trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

- Đảm bảo nguồn kinh phí xét xử lưu động, bồi dưỡng nghiệp vụ, chế độ, chính sách cho Hội thẩm nhân dân hàng năm, cũng như việc chủ động xây dựng kế hoạch của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Nghệ An.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Chính sách được xây dựng hướng đến các nhóm đối tượng cụ thể đó là các hội thẩm nhân dân và công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Chính sách góp phần hỗ trợ kinh phí, động viên các hội thẩm tích cực tham gia công tác xét xử.

- Các nội dung hỗ trợ của chính sách không trùng lặp các quy định khác của pháp luật cũng như chính sách của địa phương.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định về hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Hội thẩm nhân dân, đoàn Hội thẩm nhân dân, bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử cho Hội thẩm nhân dân và xét xử lưu động trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

- Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh và Hội thẩm Tòa án nhân dân khu vực.
- Đoàn Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh và Hội thẩm Tòa án nhân dân khu vực.
- Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân khu vực.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

Chính sách 1: Hỗ trợ hoạt động hội thẩm nhân dân.

a. Mục tiêu của chính sách: Hỗ trợ thêm một phần kinh phí cho Hội thẩm nhân dân khi tham gia hoạt động xét xử, phù hợp với chi phí đi lại cũng như công sức khi tham gia đi lại.

b. Nội dung của chính sách:

- Mức hỗ trợ: 25% mức lương tối thiểu chung, tương đương 585.000 đồng/tháng. Số lượng 403 Hội thẩm (đã trừ các Trưởng, Phó đoàn).
- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí tham gia xét xử.

c. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Thực hiện cấp kinh phí để chi cho từng hội thẩm.

1. Chính sách 2: Hỗ trợ hoạt động các đoàn Hội thẩm

a. Mục tiêu của chính sách:

- Tạo điều kiện để các đoàn Hội thẩm có kinh phí hoạt động (các hoạt động văn phòng đoàn; các hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết....)

b. Nội dung của chính sách:

- Mức hỗ trợ:
- + 12 đoàn Hội thẩm TAND khu vực : 30.000.000 đồng/năm/01 đoàn;
- + Đoàn Hội thẩm TAND tỉnh : 50.000.000 đồng/năm.
- Tổng kinh phí : 410.000.000 đồng/năm.

c. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

- Chi cho các đoàn Hội thẩm trực tiếp thực hiện.

3. Chính sách 3: Hỗ trợ hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ Hội thẩm

a. Mục tiêu của chính sách:

Hỗ trợ Tòa án nhân dân hai cấp trang bị các tài liệu cho các Hội thẩm nhân dân; công tác tập huấn nghiệp vụ hàng năm

b. Nội dung của chính sách:

- Mức hỗ trợ: 200.000.000 đồng/năm.

c. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Hỗ trợ cho Tòa án nhân dân tỉnh tổ chức các Hội nghị bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm.

4. Chính sách 4: Hỗ trợ hoạt động xét xử lưu động của Tòa án nhân dân hai cấp

a. Mục tiêu của chính sách:

Hỗ trợ Tòa án nhân dân hai cấp tổ chức các phiên tòa lưu động để tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

b. Nội dung của chính sách:

- Mức hỗ trợ: 12 đơn vị TAND khu vực, mỗi đơn vị 40.000.000 đồng/năm, tương đương 480.000.000 đồng; TAND tỉnh mỗi năm 80.000.000 đồng. Cộng : 560.000.000 đồng.

c. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Hỗ trợ cho Tòa án nhân dân hai cấp chi thực hiện các phiên tòa lưu động.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

- Nguồn kinh phí:

+ Tổng kinh phí đề xuất hỗ trợ liên quan đến sửa đổi Nghị quyết :

Hỗ trợ kinh phí hàng tháng cho Hội thẩm nhân dân: 2.829.060.000 đồng ;

Hỗ trợ kinh phí cho các đoàn Hội thẩm hoạt động hàng năm : 410.000.000 đồng ;

Hỗ trợ kinh phí cho Tòa án nhân dân tỉnh tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ Hội thẩm nhân dân: 250.000.000 đồng ;

Hỗ trợ kinh phí Tòa án nhân dân hai cấp xét xử lưu động : 560.000.000 đồng ;

Tổng cộng kinh phí đề nghị : 4.049.060.000 đồng (*Bốn tỷ không trăm bốn mươi chín triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng*).

- Nhân lục: Tòa án nhân dân tỉnh chủ trì.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Thời gian dự kiến trình Hội đồng nhân dân thông qua Nghị quyết: Tháng 12/2025.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 20/07/2018 về hỗ trợ kinh phí hoạt động, bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử cho Hội thẩm Tòa án nhân dân và xét xử lưu động trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận :

- Như kính gửi ;
- Ban pháp chế HĐND tỉnh ;
- Lưu VPTA.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ PHỤ CẤP CHO HỘI THẨM NHÂN DÂN

Số TT	Đơn vị	Số lượng Hội thẩm (không bao gồm trưởng, phó đoàn)	KP hoạt động cho Hội thẩm 20% mức lương tối thiểu (1.490.000) theo NQ 08/2018	Dự toán KP hoạt động cho Hội thẩm 20% mức lương tối thiểu (2.340.000)		Dự toán KP hoạt động cho Hội thẩm 25% mức lương tối thiểu (2.340.000)	
				Kinh phí	Chênh lệch	Kinh phí	Chênh lệch
1	Văn phòng tỉnh	29	103,704,000	162,864,000	59,160,000	203,580,000	99,876,000
2	Khu vực 1	53	189,528,000	297,648,000	108,120,000	372,060,000	182,532,000
3	Khu vực 2	33	118,008,000	185,328,000	67,320,000	231,660,000	113,652,000
4	Khu vực 3	21	75,096,000	117,936,000	42,840,000	147,420,000	72,324,000
5	Khu vực 4	36	128,736,000	202,176,000	73,440,000	252,720,000	123,984,000
6	Khu vực 5	38	135,888,000	213,408,000	77,520,000	266,760,000	130,872,000
7	Khu vực 6	21	75,096,000	117,936,000	42,840,000	147,420,000	72,324,000
8	Khu vực 7	30	107,280,000	168,480,000	61,200,000	210,600,000	103,320,000
9	Khu vực 8	29	103,704,000	162,864,000	59,160,000	203,580,000	99,876,000
10	Khu vực 9	32	114,432,000	179,712,000	65,280,000	224,640,000	110,208,000
11	Khu vực 10	45	160,920,000	252,720,000	91,800,000	315,900,000	154,980,000
12	Khu vực 11	18	64,368,000	101,088,000	36,720,000	126,360,000	61,992,000
13	Khu vực 12	18	64,368,000	101,088,000	36,720,000	126,360,000	61,992,000
	Tổng	403	1,441,128,000	2,263,248,000	822,120,000	2,829,060,000	1,387,932,000